

Số: **09** /2018/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày **29** tháng 3 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất,
đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 536/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020 như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (hộ mới thoát nghèo được quy định theo Điều 2 Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo); ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

b) Nhóm hộ, cộng đồng dân cư (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính).

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Mức hỗ trợ

a) Đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các xã thuộc Chương trình 135

- Hộ nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/hộ; hộ nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 13.000.000 đồng/hộ.

- Hộ cận nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 13.000.000 đồng/hộ; hộ cận nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 11.000.000 đồng/hộ.

- Hộ mới thoát nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 11.000.000 đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 9.000.000 đồng/hộ.

b) Đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các xã ngoài Chương trình 135

- Hộ nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 14.000.000 đồng/hộ; hộ nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 12.000.000 đồng/hộ.

- Hộ cận nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 12.000.000 đồng/hộ; hộ cận nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/hộ.

- Hộ mới thoát nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 8.000.000 đồng/hộ.

c) Các nội dung khác

Quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hoá theo các quy định hiện hành.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Ngân sách trung ương: Bổ sung hàng năm có mục tiêu cho địa phương để triển khai các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững theo quy định.

b) Ngân sách địa phương hàng năm bố trí vốn đối ứng theo tỷ lệ: Tối thiểu bằng 15% trên tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Nguồn vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng chính sách, huy động đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

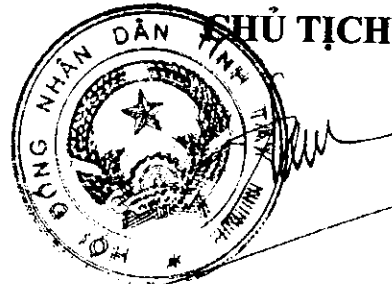
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 4 năm 2018. *vt*

Nơi nhận:

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở NN&PTNT; Sở LĐ-TB&XH;
- Sở Tài chính; Sở KH&ĐT; Sở Tư Pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VP.HĐND tỉnh.



Nguyễn Thành Tâm